TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 470/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Phương D, sinh năm 1989; trú tại: Căn hộ A chung cư P, D L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thế K, sinh năm 1987; trú tại: Căn hộ A chung cư P, D L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2023, và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Phương D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Phạm Thế K có thời gian quen nhau khoảng 03 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng

nhận kết hôn số 203 ngày 04/12/2020. Hôn nhân của anh, chị là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, chị D và anh K chung sống tại căn hộ A chung cư P, D L, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống không đầm ấm, bất đồng quan điểm sống và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, anh K còn chơi cờ bạc, cá độ bóng đá, không chăm lo kinh tế gia đình, không đóng góp tiền nuôi con và thậm chí vũ phu, đánh đập chị D nhiều lần trước sự chứng kiến của mẹ và bạn bè của anh K. Nay, chị D thấy vợ chồng không tiếp tục chung sống được nữa nên làm đơn xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung tên Phạm Phương N, sinh ngày 10/5/2021. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Thế K:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/01/2024; tham gia phiên tòa vào các ngày 20/02/2024 và ngày 05/3/2024 nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của chị D và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị Phương D với anh Phạm Thế K do Tòa án tiến hành ngày 26/12/2023, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị D và anh K trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị D không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập 02 lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị Bùi Thị Phương D khởi kiện anh Phạm Thế K yêu cầu được ly hôn, anh K hiện đang trú tại phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Phạm Thế K được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị D có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D và anh K theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Phương D và anh Phạm Thế K tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 203 ngày 04/12/2020, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh K là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị D xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do anh chị chung sống không đầm ấm, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm chia sẻ với nhau. Bên cạnh đó, anh K còn chơi cờ bạc, cá độ bóng đá, không chăm lo kinh tế gia đình, không đóng góp tiền nuôi con và thậm chí vũ phu, đánh đập chị D nhiều lần trước sự chứng kiến của mẹ và bạn bè của anh K. Anh K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh K.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Phương N, sinh ngày 10/5/2021. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cháu Phạm Phương N còn nhỏ, để đảm bảo cuộc sống ổn định nên cần tiếp tục giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với tổng số tiền 2.979.000 đồng, nguyên đơn chị Bùi Thị Phương D phải chịu được khấu vào số tiền tạm ứng đã nộp, theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Phương D đối với bị đơn anh Phạm Thế K về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

- Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Phương D được ly hôn với anh Phạm Thế K (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 203 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 04/12/2020).

- Về con chung: Giao cháu Phạm Phương N, sinh ngày 10/5/2021 cho chị Bùi Thị Phương D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị D và anh K có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Phương D phải chịu 2.979.000 đồng.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số

0001378 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**